

NGHIÊN CỨU ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG, VĂN HÓA XÃ HỘI Ở KHU VỰC TÀ NGÀO ĐỂ PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI BỀN VỮNG

NGUYỄN THỊ NGỌC AN

Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Tà Ngào là 1 địa danh ở thôn 10, xã Lộc Thành, Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng. Bảo Lâm là một huyện thuộc cao nguyên Di Linh –Bảo Lộc, nằm giữa thị xã Bảo Lộc và huyện Di Linh. Huyện là nơi có nguồn tài nguyên khoáng sản giàu nhất tỉnh, chiếm 10 % tổng giá trị khoáng sản vùng Đông Nam Bộ. Nơi đây có thác nước Bảy Tầng được xem như một thắng cảnh đẹp và là nguồn nước tạo thủy điện. Bên cạnh đó thì có một số cảnh quan tự nhiên và nguồn tài nguyên nhân văn khá đa dạng, là nơi hội tụ của nhiều nguồn văn hoá của nhiều dân tộc anh em nên có tiềm năng mạnh để phát triển ngành du lịch – dịch vụ nghỉ dưỡng trong tương lai.

Xã Lộc Thành nằm ở phía Nam huyện Bảo Lâm, cách trung tâm huyện Bảo Lâm 28 km, có Quốc lộ 55 đi ngang qua với chiều dài 10 km. Tọa độ địa lý của xã là:

- Từ $11^{\circ}00'$ đến $11^{\circ}45'$ vĩ độ Bắc.

- Từ $107^{\circ}47'$ đến $107^{\circ}50'$ kinh độ Đông.

Phía Bắc xã giáp phường Lộc Sơn, TP. Bảo Lộc; phía Nam giáp xã Lộc Nam, huyện Bảo Lâm và xã Bắc Ruộng, Hàm Thuận Bắc, Bình Thuận; phía Đông giáp với xã Tân Lạc, huyện Bảo Lâm; phía Tây giáp với xã Lộc Châu TP. Bảo Lộc.

I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp thu thập dữ liệu

Thông tin được tổng hợp từ nhiều nguồn khác nhau như: tư liệu, tài liệu mạng, báo cáo, các số liệu của cục thống kê Lâm Đồng, phòng thống kê Huyện.

Thu thập tài liệu, thông tin bằng cách ghi chép, chụp ảnh thu giữ tất cả thông tin thực tế.

Khảo sát thực địa. Xuống tận nơi các hộ dân đang sinh sống trong địa bàn nhằm biết được thực tế, xác nhận thông tin, chứng kiến và có cơ hội trao đổi trực tiếp với đối tượng.

2. Phương pháp đánh giá tổng hợp

Thống kê lại các kết quả đã thu thập, các thông tin đã xử lý để từ đó đánh giá nhằm xác định các vấn đề tồn tại hiện có, từ đó đưa ra các nhận định, đề xuất các mô hình hiệu quả.

3. Phương pháp thống kê

Sử dụng phương pháp thống kê để thống kê một cách có hệ thống các tài liệu, thông tin thu thập được để từ đó có thể rút ra kết luận chính xác, đưa ra các nhận định sát với thực tế.



Hình 1: Bản đồ huyện Bảo Lâm

II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Điều kiện tự nhiên

Địa hình của huyện Bảo Lâm thuộc vùng sơn nguyên tương đối bằng phẳng. Độ cao trung bình 900 m so với mặt biển. Mặc dù không có nhiều núi cao (Tiou Hoan 1.444 m, BNom Quanh 1.131 m, BNom RLa 1.271 m), nhưng nơi đây lại là vùng phát sinh của nhiều dòng suối lớn và là đầu nguồn sông La Ngà. Các dòng sông suối chính như: Đa Tong Krong, Đa Dung Krian, Đa Riam, Đa Bình,... tập hợp nhiều nguồn suối nhỏ đổ vào sông La Ngà. Ở phía Bắc huyện Bảo Lâm cũng có nhiều dòng suối lớn như: Đa Pou, Đa Siat, Đa Kôi, Đa Sou với rất nhiều nhánh suối nhỏ tập trung đổ vào sông Đa Dâng là ranh giới tự nhiên của huyện với tỉnh Đắc Nông.

Lượng mưa hàng năm rất lớn, bình quân 2.000 - 2.500 mm. Trữ lượng nước dồi dào (từ 8-10 tỷ m³/năm), có khả năng đáp ứng cho sinh hoạt, nông nghiệp và công nghiệp ngay cả trong mùa khô.

Trong số nguồn tài nguyên khoáng sản của khu vực thì nguồn tài nguyên Bauxit chiếm tỷ lệ lớn nhất. Hiện tại tập đoàn công nghiệp Than khoáng sản Việt Nam đã đầu tư xây dựng nhà máy Alumin phục vụ công nghiệp khai thác Bauxit với trữ lượng 630 ngàn tấn/năm.

Bên cạnh đó thì với một số cảnh quan tự nhiên và nguồn tài nguyên nhân văn khá đa dạng là nơi hội tụ của nhiều nền văn hoá của nhiều dân tộc anh em nên có tiềm năng mạnh để phát triển ngành du lịch – dịch vụ nghỉ dưỡng trong tương lai.

2. Điều kiện kinh tế

Với đặc điểm tự nhiên và vị trí địa lý thì huyện Bảo Lâm có nhiều tiềm năng và lợi thế to lớn về phát triển kinh tế xã hội với tốc độ cao của tỉnh Lâm Đồng. Huyện có vị trí địa lý thuận lợi là nằm trong khu vực trung tâm phát triển công nghiệp của tỉnh, có vị trí và vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và đặc biệt là ngành công nghiệp nặng. Qua hơn 14 năm thành lập, huyện đã đạt được những thành tựu to lớn trên các lĩnh vực kinh tế - văn hoá – xã hội và được công nhận là 1 trong 4 địa phương có tiềm năng phát triển nhất của tỉnh Lâm Đồng.

Xã Lộc Thành cũng chiếm một vị trí khá thuận lợi, giáp với Nhà máy thủy điện Đa Nhim, giáp với rừng Đa Hoai và thành phố Bảo Lộc. Không khí trong lành, thời tiết rất phù hợp để phát triển nông nghiệp và một số ngành tiềm năng khác như công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch và dịch vụ.

Xã Lộc Thành có diện tích đất tự nhiên là 8.378 ha trong đó đất Nông nghiệp là 5.527 ha, đất Lâm nghiệp là 1.995 ha, đất Nông nghiệp chủ yếu trồng hai cây công nghiệp chính là cà phê 3.515 ha, cây chè 1.965 ha.

Diện tích chè có 13.187,5 ha với hơn 12.457,3 ha đã cho thu hoạch, huyện Bảo Lâm là vùng nguyên liệu chè lớn nhất của tỉnh với sản lượng chè búp tươi hàng năm đạt khoảng 98.500 tấn. Nhân dân trong huyện đang tích cực áp dụng tiến bộ kỹ thuật mới trong việc trồng chè, đưa những giống mới và sử dụng kỹ thuật thâm canh để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

Diện tích cà phê có 26.692,2 ha, diện tích đã cho thu hoạch là 25.395,2 ha. Hiện nay huyện đang thực hiện công tác ghép cải tạo vườn cà phê kém chất lượng bằng các giống đầu dòng để nâng cao năng suất.

Do ngành dâu tằm tơ gặp khó khăn nên diện tích dâu năm 1995 là 781 ha đến nay chỉ còn lại khoảng 200 ha.

Toàn huyện trồng được trên 800 ha cây ăn quả, chủ yếu là trồng xen trong đất thổ cư và vườn cà phê, trong đó chiếm ưu thế là sầu riêng với tổng số 150.000 cây. Hiện nay nhân dân chủ yếu trồng loại sầu riêng ghép giống ngoại nhanh thu hoạch, giá trị kinh tế cao.

3. Điều kiện xã hội

Dân số - Bảo Lâm thuộc vùng đất rộng, người thưa, dân số toàn huyện có 116.122 người, mật độ dân số: 75 người/km². Hiện trên địa bàn huyện có 19 dân tộc thiểu số đang sinh sống với 7.442 hộ, gồm 31.458 nhân khẩu (chiếm tỷ lệ 30 % dân số). Trong đó: dân tộc Châu mạ, K'ho có 5.747 hộ, với 26.058 khẩu, chiếm 78,5 % trong tổng số khẩu đồng bào dân tộc thiểu số. Ngoài ra còn có một số dân tộc từ các tỉnh miền Bắc đến sinh cơ lập nghiệp. Đồng bào dân tộc tại chỗ có quá trình sinh sống ở đây từ rất lâu đời. Ở xã Lộc Bắc đã phát hiện được 2 bộ đàn đá. Các nhà khảo cổ học xác định những hiện vật này có niên đại cách đây trên 2.000 năm. Đồng bào dân tộc ở xã Lộc Bảo, Lộc Bắc còn lưu giữ nếp sống trong các nhà dài bao gồm nhiều thế hệ đồng tộc cùng chung sống trong một gia đình lớn. Bổ sung vào thành phần cư dân sau này là các đợt di dân đến vào nhiều thời kỳ khác nhau. Đợt dân đến đông đảo đầu tiên là vào đầu thế kỷ XX, khi thực dân Pháp khai thông quốc lộ 20, tiến hành lập các đồn điền trồng chè, cà phê. Toàn vùng cao nguyên Di Linh - Bảo Lộc thời kỳ đó có đến 400 đồn điền với gần 20.000 ha chè, cà phê. Công cuộc khai hoang lớn đầu tiên đã đưa lên đây hàng chục ngàn lao động cho đến nay đã trải qua nhiều thế hệ gắn bó với vùng đất này. Trong những năm đầu của thập kỷ 80, khi mở ra các nông trường thuộc Liên hiệp các xí nghiệp đầu tư Việt Nam, đã có nhiều đợt lao động và các hộ dân đi khai hoang xây dựng kinh tế mới được chuyển đến vùng Bảo Lâm.

Địa điểm thí điểm để nghiên cứu là Xã Lộc Thành có 18 thôn, dân số 14.372 người trong đó nữ chiếm 41,64 % (5.984 người), người dân tộc chiếm 7,8 % (1.120 người) (nguồn từ niên giám thống kê huyện ngày 31/12/2009). Như vậy, người dân tộc thiểu số chỉ chiếm một con số rất nhỏ, nhưng vẫn còn những khoảng cách tương đối lớn giữa họ và dân tộc khác tại địa phương.

Giáo dục - Giáo dục có những bước phát triển rất mạnh mẽ, số lượng cũng như chất lượng của giáo viên ngày càng được nâng cao, trẻ mầm non được đến trường theo đúng độ tuổi, học sinh đạt được các kết quả cao. Tuy nhiên, con em người dân tộc thiểu số vẫn còn chưa được đi học đúng độ tuổi, chất lượng giáo dục của các vùng dân tộc thiểu số so với vùng đồng bằng, thành thị, vùng kinh tế phát triển đang còn một khoảng cách rất lớn. Bên cạnh đó, tỷ lệ con em người dân tộc bỏ học rất cao.

Tại xã Lộc Thành, tuy có rất nhiều cuộc vận động, hỗ trợ con em người dân tộc đến trường học, nhưng kết quả không cao. Vẫn còn hạn chế rất nhiều. Chỉ có 8 trường học, như vậy vẫn chưa đáp ứng nhu cầu dạy và học của người dân nơi đây, hơn nữa, để được đến trường, người dân tộc thiểu số phải vượt khoảng 20km do nơi họ ở thường vùng sâu, vùng xa của Xã.

Y tế - Khí hậu nóng ẩm miền núi thuận lợi để phát sinh và phát triển các bệnh nhiệt đới. Tỷ lệ di dân đã đư ợc hạn chế. Trình độ dân trí chưa cân bằng giữa người Kinh và người dân tộc thiểu số, ở cộng đồng người dân tộc thiểu số còn tồn tại nhiều tập tục cổ hủ. Mức sống của đa số người dân chưa cao, cơ sở hạ tầng về y tế còn nhiều thiếu thốn... gây hạn chế trong việc bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân. Đến nay, nước sạch vẫn chưa đến hầu hết người dân, việc xử lý nước thải, rác thải còn chưa được chú trọng đúng mức, gây ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

Ngoài ra, còn thiếu cán bộ y tế có trình độ chuyên sâu cao, các trang thiết bị còn thiếu thốn. Tuy nhiên, hiện nay các cấp chính quyền đã và đang có những bước đi, nhằm nâng cao cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu sống tốt, sống khỏe của người dân.

Cơ sở hạ tầng - Hệ thống đường giao thông nội bộ những năm gần đây phát triển khá nhanh. Đường ô tô đi đến tất cả các xã trong huyện, toàn huyện có 69 km đường nhựa. Các tuyến đường lâm nghiệp, đường đến các đồn điền chè, cà phê trước đây đang được nâng cấp, cải tạo. Đến nay đã có trên 1.000 km đường cấp phối, đường nông thôn được tu sửa để phục vụ cho việc vận chuyển, lưu thông đến tất cả các xã trên địa bàn. Các chương trình mục tiêu quốc gia, định canh, định cư... đã góp phần đầu tư xây dựng các tuyến đường về các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn của huyện. Nhân dân các địa phương cũng tham gia đóng góp công sức, tiền của để làm đường đến các vùng nông thôn và khu vực dân cư.

Từ khi thành lập đến nay, huyện Bảo Lâm đã tạo được bước phát triển nhanh và hướng đi lên rõ rệt. Điều dễ nhận thấy là hệ thống giao thông và các công trình kiến trúc được xây dựng ngày càng nhiều. Bộ mặt của thị trấn Lộc Thắng - trung tâm của huyện và các vùng nông thôn có sự thay đổi nhanh chóng.

4. Hiện trạng môi trường

Hiện nay, địa phương chưa có khu công nghiệp lớn, các ngành công nghiệp phát triển mạnh nhưng chưa có dấu hiệu gây ra ô nhiễm. Phần lớn là các xí nghiệp nhà máy sản xuất cà phê. Ô nhiễm có nguồn gốc chủ yếu từ hoạt động trong ngành nông nghiệp: phun thuốc trừ sâu rầy, bệnh trên cây (cây cà phê, cây chè), phun các thuốc hoá học giúp tăng trưởng, kích thích ra lá ở cây chè. Các hoạt động đó đã gây hại đến môi trường không khí.

Ngoài ra, trong vụ mùa cà phê, một lượng bụi lớn từ việc xay xát cà phê thải ra ngoài môi trường. Đặc biệt, hoạt động chặt phá rừng làm nương rẫy, đốt rừng, khai thác gỗ, gây giảm đa dạng sinh học của vùng, xói mòn đất, khô kiệt nguồn nước, ô nhiễm bụi khói trong không khí...

Việc chặt phá rừng còn để lại hậu quả nghiêm trọng là ảnh hưởng đến tài nguyên đất và nước. Hàng loạt các vụ sạt lở đất đá xảy ra, đất bị rửa trôi, xói mòn từ các khu đồi trọc. Các hồ nước cạn kiệt dần do việc đào xới, san lấp nhằm tăng diện tích khai thác nông nghiệp. Hậu quả là mùa khô, lượng nước không đủ đáp ứng cho tưới tiêu.

Các khu chợ chưa có điểm hẹn, nơi tập trung rác trước khi chuyển đến các trạm xử lý hay bãi rác, khiến cho môi trường bị ô nhiễm tại một số khu chợ tự phát. Xác động thực vật, các phế phẩm bị thải ra vô tội vạ, điều này chứng tỏ ý thức trách nhiệm về môi trường của người dân chưa cao. Một số người dân tộc thiểu số không thể trả lời khi được hỏi môi trường là gì, và họ phải làm gì để bảo vệ môi trường. Đây không phải lỗi của họ mà xã hội chưa tuyên truyền, chưa đi sâu vào giáo dục nhận thức cho người dân.

Mẫu đất và nước đã được phân tích để làm rõ hiện trạng môi trường của khu vực (Bảng 1, 2).

Kết quả phân tích nước (Bảng 1) đã cho thấy, hiện trạng ô nhiễm nước ở mức độ không nghiêm trọng. Các kim loại nặng trong các mẫu nước không được phát hiện, ngoại trừ sắt. Đặc biệt, cả nitrat và nitrit đều không có trong nước hồ. E. Coli cũng rất nhỏ và ở cả hai mẫu nước đều nhỏ hơn nhiều so với các giá trị giới hạn A1. Mặt khác, điều kiện khí hậu, địa hình cao hơn 800 m so với mặt nước biển khiến cho môi trường khu vực có khả năng tự phục hồi.

Qua kết quả phân tích mẫu đất trình bày ở Bảng 2 ta thấy, hai nguyên tố kim loại Pb và Cd không được phát hiện trong mẫu đất. Tuy nhiên hàm lượng As lại quá cao, lên tới 583,13 µg/kg

Bảng 1

Kết quả phân tích mẫu nước tại khu vực nghiên cứu

TT	Chỉ tiêu phân tích	Ký hiệu mẫu		Giá trị giới hạn			
		Mẫu nước hồ	Mẫu nước thác	A		B	
				A1	A2	B1	B2
1.	Cu (mg/L)	KPH	KPH	0,1	0,2	0,5	1
2.	Pb (mg/L)	KPH	KPH	0,02	0,02	0,05	0,05
3.	Cd (mg/L)	KPH	KPH	0,005	0,005	0,01	0,01
4.	As (μ g/L)	KPH	KPH	0,01	0,02	0,05	0,1
5.	Fe (mg/L)	0,92	0,79	0,5	1	1,5	2
6.	Al (mg/L)	KPH	KPH	-	-	-	-
7.	Độ màu (Pt/Co)	8	11	-	-	-	-
8.	pH	7,22	7,33	6-8,5	6-8,5	5,5-9	5,5-9
9.	Độ đục (NTU)	9	10	-	-	-	-
10.	Ca (mg/L)	1,60	2,01	-	-	-	-
11.	Mg (mg/L)	0,72	0,73	-	-	-	-
12.	Độ cứng(mgCaCO ₃ /L)	7	8	-	-	-	-
13.	Cl ⁻ (mg/L)	2,22	5,8	250	400	600	-
14.	PO ₄ ³⁻ (mg/L)	0,011	0,0006	0,1	0,2	0,3	0,5
15.	SO ₄ ²⁻ (mg/L)	1,21	0,76	-	-	-	-
16.	N-NO ₂ (mg/L)	KPH	0,02	0,01	0,02	0,04	0,05
17.	N-NO ₃ (mg/L)	KPH	0,04	2	5	10	15
18.	N-NH ₄ ⁺ (mg/L)	0,05	0,28	0,1	0,2	0,5	1
19.	Coliform (MPN/100L)	<0,03	4,3 x 10 ³	2500	5000	x7500	10000
20.	E.coli ((MPN/100L)	<0,03	<0,03	20	50	100	200

Ghi chú: A1: Sử dụng tốt cho mục đích cấp nước sinh hoạt và các mục đích khác như loại A2, B1, B2; A.2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp; bảo tồn động v.ật thực vật thủy sinh, hoặc các mục đích sử dụng như loại B1 và B2; B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng nước tương tự hoặc mục đích sử dụng như loại B2; B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.

Bảng 2

Kết quả phân tích mẫu đất tại nơi nghiên cứu

TT	Chỉ tiêu phân tích	Ký hiệu mẫu	Phương pháp
		Mẫu đất	
1.	Cu (mg/kg)	6,33	ACIAR-AAS 015-2007
2.	Pb (mg/kg)	KPH	
3.	Cd (mg/kg)	KPH	ACIAR-AAS 004-2007
4.	As (μ g/kg)	583,13	ACIAR-AAS 001-2007
5.	Fe trao đổi (mg/100g)	123	AOAC 990.08-2000

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

- Chất lượng nước, nhất là nước hồ rất tốt, có thể cải thiện qua hệ thống lắng, lọc sử dụng làm nước uống phục vụ khách du lịch, nhất là nước ở hồ.
- Với khung cảnh đẹp tự nhiên, nơi đây có thể làm khu du lịch với một số thiết kế đẹp để tăng thêm phần hấp dẫn khách từ các nơi.
- Có nhiều yếu tố tác động xấu đến môi trường, cần có biện pháp khắc phục.

2. Kiến nghị

- Cần xây dựng thêm đường nhựa để phục vụ giao thông.
- Cần xây dựng hệ thống lắng, lọc nước.
- Cần có hệ thống nhà ở, cửa hàng để phục vụ khách du lịch.
- Trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp, hạn chế sử dụng các chất hoá học, gây ô nhiễm môi trường, bên cạnh đó phải khai thác và sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên tại địa phương. Đào tạo nâng cao nhận thức về môi trường cho người dân, đặc biệt người dân tộc thiểu số. Cử các cán bộ chuyên trách xuống mở lớp hướng dẫn, tập huấn về môi trường cho các cán bộ tại địa phương. Nhận định, đánh giá khả năng ô nhiễm của các hoạt động sản xuất (các xí nghiệp chế biến chè, cà phê, dâu tằm, thực phẩm...) để có giải pháp quản lý giám sát hiệu quả. Đồng thời cần có sự tham gia của cộng đồng, mọi tầng lớp để các vấn đề môi trường được giải quyết triệt để.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Nguyễn Thị Ngọc Ân**, 2005: Giáo trình thực tập thiên nhiên ở đồng bằng sông Cửu Long. NXB. Nông nghiệp.
2. **Nguyễn Thị Ngọc Ân**, 2010: Sinh thái du lịch và môi trường vườn. NXB. Nông nghiệp.

STUDY OF ENVIRONMENTAL CONDITIONS AND CULTURAL ESOURCES OF TA NGAO AREA FOR SUSTAINABLE ECOTOURISM DEVELOPMENT

NGUYEN THI NGOC AN

SUMMARY

Ta Ngao is the local name of Loc Thanh village, Bao Lam District, Lam Dong province. This district is a place that has rich mineral resources in the province with 10% in the total mineral resource value of South Dast. With a waterfall of 7 stages, it seems to be one beautiful site, a water resource for hydroelectricity generation. Besides, there are many natural landscapes with the diversified cultural resources of many nations, therefore, we have a strong hidden force to develop tourism in the future.